

# KHU VỰC PHI CHÍNH THỨC TRONG THỐNG KÊ TÀI KHOẢN QUỐC GIA MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Nguyễn Hữu Chí  
Nguyễn Thị Thu Huyền

## 1. Cơ sở lý thuyết về khu vực phi chính thức trong hệ thống tài khoản quốc gia

Hệ thống tài khoản quốc gia xem xét khu vực phi chính thức như là một bộ phận của khu vực thể chế hộ gia đình. Chương IV của Hệ thống Tài khoản Quốc gia (SNA) 1993 đã trích dẫn những phần chính của khái niệm khu vực phi chính thức được thông qua tại Hội nghị Quốc tế các nhà Thống kê Lao động (ICLS) lần thứ 15 năm 1993. SNA 1993 khuyến nghị cho các quốc gia nơi mà các hoạt động thuộc khu vực phi chính thức giữ vai trò đáng kể thì khu vực phi chính thức cần phải được phản ánh một cách tách biệt dưới hình thức một bộ phận của khu vực thể chế hộ gia đình (SNA 1993: 4.159).

Để có thể nhận dạng các đơn vị sản xuất phi chính thức, ICLS 15 đã đưa ra khuyến nghị về việc sử dụng các tiêu chí bao gồm: (i) “doanh nghiệp” (đơn vị sản xuất) không thực hiện đăng ký; (ii) có quy mô nhỏ xét theo số lượng lao động; (iii) không thực hiện việc đăng ký lao động. Thuật ngữ “doanh nghiệp” ở đây cần được hiểu theo nghĩa rộng, nghĩa là không chỉ bao gồm đơn vị sản xuất có thuê lao động mà còn bao gồm đơn vị sản xuất sở hữu và vận hành bởi từng cá nhân làm việc cho chính bản thân theo dạng tự tuyển dụng và thực hiện công việc một mình hay dưới sự giúp đỡ của lao động trong gia đình, nhưng không trả công. Theo tiêu chí thứ nhất nêu trên, việc xem xét một đơn vị sản xuất có hay không thực hiện đăng ký được hiểu là

xét theo các hình thức đăng ký cụ thể để được cấp phép hoạt động quy định trong luật pháp của mỗi quốc gia, chẳng hạn như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư Nước ngoài... Điều này hoàn toàn khác với việc không thực hiện đăng ký có liên quan đến những quy định riêng được ban hành bởi chính quyền địa phương. Theo tiêu chí thứ hai, ICLS15 không nêu lên một ngưỡng cụ thể về quy mô lao động mà căn cứ vào đó có thể phân định đơn vị sản xuất quy mô nhỏ, do vậy dẫn đến một thực tế là các quốc gia đã vận dụng tiêu chuẩn này với những ngưỡng về quy mô lao động khác nhau. Tiêu chí thứ ba thực chất đề cập đến tình trạng việc làm có tính chất đặc trưng trong khu vực phi chính thức liên quan đến vấn đề về tính hợp pháp của việc sử dụng lao động và bảo trợ xã hội. Đơn vị sản xuất phi chính thức thường sử dụng lao động mà không thực hiện ký hợp đồng lao động cũng như chi trả những khoản đóng góp bảo trợ xã hội.

Các đơn vị sản xuất thuộc khu vực phi chính thức được phân biệt bao gồm hai nhóm: (i) doanh nghiệp phi chính thức của lao động tự làm việc cho bản thân và không sử dụng lao động làm thuê thường xuyên; (ii) doanh nghiệp của các chủ sử dụng lao động phi chính thức sử dụng lao động làm thuê có tính chất thường xuyên.

Nhóm Chuyên gia Tư vấn về Thống kê Khu vực Phi chính thức (nhóm Delhi) trong cuộc họp năm 1999 đã đưa ra khuyến nghị, trong đó nhấn mạnh rằng bên cạnh những

vấn đề xác định khái niệm và phương pháp đo lường lao động trong khu vực phi chính thức thì cần phải bổ sung khái niệm và việc đo lường lao động phi chính thức. Xuất phát từ khuyến nghị này, cùng với việc ủng hộ yêu cầu trợ giúp các quốc gia trong việc thu thập, phân tích và phổ biến thông tin thống kê về kinh tế phi chính thức đã nêu lên trong nghị quyết liên quan đến vấn đề về việc làm tử tế và kinh tế phi chính thức được ILO thông qua trong phiên làm việc thứ 90 năm 2002, ICLS 17 năm 2003 đã ban hành những hướng dẫn liên quan đến định nghĩa thống kê về việc làm phi chính thức. Hướng dẫn này nhằm bổ sung bên cạnh khái niệm khu vực phi chính thức khái niệm về việc làm phi chính thức. Cả hai khái niệm này được xác định là nằm trong khuôn khổ khái niệm kinh tế phi chính thức.

Trong những nỗ lực nhằm hoàn thiện Hệ thống Tài khoản Quốc gia, các cuộc họp của Nhóm Chuyên gia Tư vấn về Tài khoản Quốc gia (AEG) năm 2004 và 2006 đã tập trung thảo luận những vấn đề về khu vực phi chính thức trong việc cập nhật Hệ thống Tài khoản Quốc gia 1993 bản sửa đổi 1. Một trong những nội dung được nhóm quan tâm thảo luận là xác định những điểm khác biệt giữa khái niệm về khu vực phi chính thức và lao động phi chính thức của ICLS và khuôn khổ hệ thống tài khoản quốc gia. Thực tế, trong hàng loạt các bài viết cũng như xuất bản phẩm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và nhóm Delhi đã đề cập đến những điểm khác biệt này với tầm quan trọng nhiều hay ít ở những mức độ khác nhau. Những điểm khác biệt được nêu lên tập trung vào các vấn đề về mặt thuật ngữ, việc phân chia nền kinh tế, sản phẩm thị trường và sản phẩm tự tiêu dùng và tổng thể hộ kinh doanh. Những điểm ghi nhận từ những thảo luận này sẽ là cơ sở cho những bổ sung

dưới hình thức một chương mới trong bản sửa đổi số 1 của SNA 1993 mà trong đó đề cập đến vấn đề về khái niệm và đo lường khu vực phi chính thức trong khuôn khổ hệ thống tài khoản quốc gia. Theo những kỳ vọng và mục tiêu của nhóm AEG, khi mà những khác biệt này được thu hẹp lại thì báo cáo thống kê tài khoản quốc gia cũng như về khu vực phi chính thức và lao động phi chính thức sẽ có chất lượng cao hơn.

Theo nhóm AEG, điểm đầu tiên cần được quan tâm chính là những khác biệt về mặt thuật ngữ. Cùng với phần trích dẫn khái niệm khu vực phi chính thức của ICLS trong hệ thống tài khoản quốc gia đã không kèm theo sự giải thích chỉ rõ rằng thuật ngữ “khu vực” được sử dụng trong ngữ cảnh này không tương ứng một cách thật chuẩn xác với thuật ngữ trong khuôn khổ tài khoản quốc gia (Havinga và Carson, 2006). Khái niệm “khu vực” trong SNA liên quan đến việc thiết lập một hệ thống các tài khoản sản xuất, thu nhập, tích lũy và các bảng cân đối. Toàn bộ nền kinh tế, theo SNA, được phân chia thành các khu vực thể chế và đối với khu vực thể chế hộ gia đình thì chi tiêu giữ vai trò thiết yếu. Trong khi đó khái niệm của ICLS được hình thành xoay quanh những vấn đề về sản xuất, thu nhập và việc làm, do vậy chủ yếu thuộc vào các thành phần của tài khoản sản xuất.

Bản thân các thuật ngữ “phi chính thức”, “chính thức” được trình bày trong Nghị quyết của ICLS lần thứ 15 cũng như những hướng dẫn liên quan đến định nghĩa thống kê về việc làm phi chính thức cũng có thể gây nên sự nhầm lẫn với những thuật ngữ trong khuôn khổ SNA. Nhóm chuyên gia tư vấn cho rằng thuật ngữ “phi chính thức” có thể bị hiểu nhầm là đề cập đến thực tiễn của việc thu thập dữ liệu liên quan

đến sự thấu đáo của việc đo lường GDP cũng như đối với một đơn vị sản xuất với những đặc tính cụ thể. Việc sử dụng thuật ngữ “chính thức” trong thuật ngữ “các doanh nghiệp khu vực chính thức” có thể dẫn đến những hiểu lầm giữa các nhà thống kê lao động và các nhà thống kê tài khoản quốc gia.

Các nhà thống kê tài khoản quốc gia coi phần phân đoạn chính thức của các doanh nghiệp được giới hạn trong các khu vực thể chế khác ngoài khu vực thể chế hộ gia đình. Về vấn đề này, Havinga và Canson (2006) đã dẫn trường hợp các nhà hàng và nông trại ở Châu Âu. Đây là những loại hình đơn vị sản xuất không có tư cách pháp nhân cũng như hệ thống kế toán đầy đủ mặc dù những đơn vị này đã đăng ký theo luật pháp quốc gia. Theo khái niệm của ICLS, đó là những doanh nghiệp chính thức. Trái lại, trong khuôn khổ SNA, những đơn vị này thuộc vào khu vực thể chế hộ gia đình chứ không phải là thuộc vào các khu vực thể chế mà có thể được xem là “chính thức”.

Điểm khác biệt thứ hai giữa khái niệm của ICLS và khuôn khổ khái niệm của SNA được quan tâm bàn luận đó là về việc phân loại các hoạt động kinh tế. ICLS ban đầu đã xác định hai nhóm trong khu vực hộ gia đình căn cứ vào loại hình hộ kinh doanh và theo loại hình công việc đó là các doanh nghiệp tự làm và các doanh nghiệp của các chủ sử dụng lao động. Trên cơ sở các phân loại này, các tiêu chí bổ sung như sản phẩm thị trường, qui mô doanh nghiệp, việc đăng ký theo luật pháp, v.v.. được sử dụng làm căn cứ để xác định doanh nghiệp phi chính thức.

Khuôn khổ khái niệm về việc làm phi chính thức được thống nhất tại hội nghị ICLS lần thứ 17 đã đề cập đến phân đoạn chi tiết hơn đối với các hộ kinh doanh bao

gồm ba nhóm: các doanh nghiệp khu vực chính thức, các doanh nghiệp khu vực phi chính thức và các hộ gia đình. Cách phân loại này được kết hợp với phân loại theo loại hình công việc để hình thành một lược đồ biểu diễn về kinh tế phi chính thức bao gồm cả lao động trong khu vực phi chính thức và lao động phi chính thức ngoài khu vực phi chính thức.

Một vấn đề cần lưu ý nữa liên quan đến tiếp cận theo đơn vị sản xuất đó là sự khác biệt giữa khái niệm của ICLS và khuôn khổ SNA về phạm vi tổng thể hộ hình doanh. Các khái niệm của ICLS đề cập đến tổng thể hộ kinh doanh chỉ bao gồm đơn vị sản xuất sử dụng lao động như là yếu tố đầu vào của hoạt động sản xuất hàng hoá, dịch vụ và không thể hiện rõ là có hay không bao gồm sản xuất dành cho tự tiêu dùng. Do vậy, các đơn vị sản xuất được đề cập đến trong khái niệm khu vực phi chính thức của ICLS không bao gồm toàn bộ các đơn vị sản xuất hộ gia đình trong khuôn khổ tài khoản quốc gia.

Trong các tiêu chí bổ sung có tính chất cơ sở về doanh nghiệp để xác định đơn vị sản xuất phi chính thức, nhóm chuyên gia tư vấn cho rằng tiêu chí về sản phẩm thị trường có những điểm khác biệt trong khái niệm của ICLS và khuôn khổ SNA. SNA xác định nhà sản xuất sản phẩm cung cấp cho thị trường là những đơn vị sản xuất bán *hầu hết hay toàn bộ* sản phẩm của họ ra thị trường ở những mức giá có ý nghĩa kinh tế. Trái lại, ICLS lại phân biệt dựa vào việc xác định các đơn vị sản xuất bán *một số hay toàn bộ* sản phẩm. Vì vậy, so với khuôn khổ SNA, khái niệm sản phẩm thị trường của ICLS đã góp phần mở rộng tổng thể hộ kinh doanh. Trong trường hợp áp dụng khái niệm của SNA, có thể dẫn đến kết quả ngoài

mong muốn đó là một bộ phận lớn các hộ kinh doanh ở nhiều quốc gia được xác định là đơn vị sản xuất dành cho tự tiêu dùng, và do đó không được xác định thuộc về khu vực phi chính thức.

Khái niệm của ICLS cho phép phân biệt rõ giữa những doanh nghiệp hộ gia đình không có tư cách pháp nhân tạo ra những sản phẩm dành riêng cho tiêu dùng hộ gia đình hay hình thành nên tài sản cố định với những doanh nghiệp mà sản xuất ra các sản phẩm để cung cấp cho thị trường. Với việc đã loại trừ những đơn vị cung cấp dịch vụ nhà tự ở tự có không được tính trong tổng thể đơn vị sản xuất của những người tự làm và chủ cơ sở tuyển dụng lao động thì những đơn vị còn lại này chính là những hộ sản xuất sản phẩm dành riêng cho tự tiêu dùng cuối cùng.

## **2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê và nguồn dữ liệu về khu vực phi chính thức trong hệ thống tài khoản quốc gia**

Theo phương pháp luận chung, các tài khoản, bảng cân đối và chỉ tiêu cơ bản trong hệ thống tài khoản quốc gia có thể được thiết lập theo ngành, khu vực thể chế, theo quan điểm vật chất và quan điểm tài chính. Khu vực hộ gia đình là một trong các khu vực thể chế trong nền kinh tế vì vậy các tài khoản và bảng cân đối trong hệ thống tài khoản quốc gia bao gồm thông tin biểu hiện các chỉ tiêu được tính toán cho khu vực này cũng như mối quan hệ giữa khu vực này với toàn bộ nền kinh tế. Trong khuôn khổ SNA 1993, ở cấp độ chi tiết hơn khi thiết lập các tài khoản, mỗi khu vực thể chế còn có thể được phân chia thành các khu vực thể chế con đáp ứng yêu cầu xây dựng các chương trình mục tiêu hay quản lý từng nhóm những đơn vị thể chế cụ thể. Với mục đích thu thập thông tin về khu vực phi chính thức đồng

thời đáp ứng yêu cầu hoà nhập chung những thông tin này vào hệ thống tài khoản quốc gia, trong quá trình thu thập thông tin và xác định các chỉ tiêu thống kê khu vực thể chế hộ gia đình phục vụ cho việc lập các tài khoản, ngoài vấn đề xử lý những điểm khác biệt giữa khái niệm của ICLS và khuôn khổ SNA, cần tập trung làm rõ hai vấn đề, đó là: (i) những chỉ tiêu thống kê khu vực phi chính thức phục vụ lập tài khoản quốc gia; (ii) các nguồn dữ liệu, phương pháp điều tra thích hợp thu thập thông tin về khu vực phi chính thức dựa vào nền tảng cơ sở lý luận chung của hệ thống tài khoản quốc gia.

Khuyến nghị từ Hội thảo Thống kê Khu vực phi chính thức do UNSD, UNESCAP và ILO tổ chức vào tháng 6 năm 1997 đã nhấn mạnh về sự cần thiết thu thập dữ liệu phục vụ thống kê khu vực phi chính thức trong hệ thống tài khoản quốc gia. Các thành viên tham gia hội thảo thống nhất rằng cần áp dụng rộng rãi phương pháp thu thập dữ liệu trực tiếp để thu thập thông tin về khu vực này. Các cuộc điều tra được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc gia thường là điều tra hộ gia đình hay điều tra doanh nghiệp như: điều tra thu nhập chi tiêu hộ gia đình, điều tra hỗn hợp hộ gia đình và doanh nghiệp, tổng điều tra nông nghiệp, điều tra nguồn lao động, v.v. Mỗi quốc gia cần cân nhắc lựa chọn kết hợp nguồn dữ liệu về khu vực phi chính thức để xây dựng các tài khoản liên quan dựa vào điều kiện phát triển hệ thống thông tin thống kê, những nguồn dữ liệu có thể khai thác. Điều tra khu vực phi chính thức và việc làm phi chính thức giữ vai trò cung cấp thông tin phục vụ biên soạn các tài khoản quốc gia, mà trong đó đặc biệt là khu vực hộ gia đình. Hơn nữa, khả năng kết hợp và tính tương thích của các nguồn dữ liệu là vấn đề cần được quan tâm khi hòa nhập các thông tin về khu vực phi chính thức trong

các tài khoản và tính các chỉ tiêu tổng hợp cho khu vực này cũng như đối với toàn bộ nền kinh tế. Về mặt nguyên tắc, các điều tra chọn mẫu trực tiếp thu thập thông tin về khu vực phi chính thức, cần đáp ứng được yêu cầu cơ bản đó là đảm bảo về mặt phạm vi có thể bao quát được cả những đơn vị sản xuất phi chính thức với địa điểm kinh doanh không cố định hoặc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh tại nơi ở. Điều này đòi hỏi trong các công việc thiết kế phiếu điều tra, xác định dàn mẫu, hướng dẫn phỏng vấn, xây dựng bảng biểu tổng hợp dữ liệu, v.v., cần tính đến những đặc điểm riêng của các đơn vị sản xuất phi chính thức như: quy mô nhỏ, tính lưu động, hoạt động sản xuất tại gia đình, tính mùa vụ. Điều này dường như cũng là những hạn chế thường thấy trong các cuộc điều tra doanh nghiệp nhỏ hay điều tra cơ sở kinh tế, và cũng vì thế các cuộc điều tra đó không thể cung cấp đầy đủ thông tin về khu vực phi chính thức. Đối với các cuộc điều tra hộ gia đình, cần lưu ý đến việc thu thập thông tin đối với những hoạt động của người tự làm hoạt động lưu động hoặc tại nhà, cũng như những thông tin đối với công việc thứ hai. Hơn nữa, để cung cấp thông tin đáp ứng các nhu cầu cụ thể của các tài khoản, trong quá trình thiết kế điều tra cần quan tâm đến các thông tin về loại hình và mức độ của hoạt động sản xuất, tiêu dùng trung gian, những khoản thu nhập nhận được và chi tiêu, vấn đề hình thành tài sản, v.v.

Trong khuôn khổ nghiên cứu về phương pháp luận lập các tài khoản đối với khu vực hộ gia đình, Becker (2000) đã đưa ra đề xuất nhằm hướng dẫn các nhà thống kê tài khoản quốc gia xác định những dữ liệu tối thiểu cần thu thập làm cơ sở thống kê về khu vực phi chính thức trong hệ thống tài

khoản quốc gia (xem bảng 3.1). Bên cạnh đó, đề xuất này cũng nêu lên vấn đề không thống nhất giữa yêu cầu về mức độ chi tiết của dữ liệu cần thu thập với chi phí cũng như những vấn đề về chuyên môn như tính chất phức tạp của các cuộc điều tra, quá trình xử lý dữ liệu, tỷ lệ trả lời, v.v. Do vậy, trước hết cần căn cứ vào định nghĩa áp dụng với những tiêu chí cụ thể để xác định các đơn vị sản xuất trong khu vực phi chính thức. Để xác định những tiêu chí phù hợp, công tác chuẩn đoán ban đầu cần được thực hiện một cách cẩn trọng nhằm tìm hiểu về hệ thống pháp lý liên quan như Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan đến thủ tục đăng ký thành lập, hoạt động, v.v. Trong bản đề xuất, Becker (2000) phân loại những thông tin liên quan đến các tiêu chí trong khái niệm khu vực phi chính thức là “thông tin kỹ thuật”, trong đó bao gồm quy mô lao động trong đơn vị sản xuất, tình trạng đăng ký, v.v...

Bên cạnh thông tin nhằm xác định đơn vị sản xuất phi chính thức, thông tin chủ yếu mà Becker đề xuất giữ vai trò là nguồn dữ liệu đầu vào để biên soạn các tài khoản bao gồm: loại, số lượng và/hoặc giá trị sản phẩm, thời gian hoạt động, số lượng lao động, v.v... Khi đã thu thập được những thông tin chủ yếu, với một số giả định bổ sung có thể ước lượng những yếu tố khác sử dụng để lập tài khoản, chẳng hạn như tiêu dùng trung gian và tự tiêu dùng cũng như các khoản tiền công, tiền lương (Becker, 2000). Cơ sở cho việc áp dụng phương pháp biên soạn tài khoản dựa vào nguồn dữ liệu tối thiểu xuất phát từ một thực tế là các đơn vị sản xuất phi chính thức thường không có cấu trúc phức tạp về các yếu tố đầu vào cũng như sản phẩm.

**Bảng: Dữ liệu tối thiểu về khu vực phi chính thức sử dụng lập tài khoản quốc gia**

Tài khoản	Ví dụ về dữ liệu từ các đơn vị sản xuất của khu vực phi chính thức	Nguồn dữ liệu		
		Điều tra hộ	Điều tra doanh nghiệp	Điều tra hỗn hợp
Tài khoản sản xuất	Đầu vào, tiêu dùng trung gian, sản lượng, tự tiêu dùng: Loại, số lượng và giá trị sản phẩm tiêu thụ Loại, số lượng và giá trị sản phẩm sản xuất Loại, số lượng và giá trị sản phẩm dành cho tự tiêu dùng, trao đổi, v.v. Loại, số lượng và giá trị các yếu tố đầu vào (nguyên vật liệu, năng lượng, điện, nước, mua sắm trang bị máy móc thiết bị, chi phí thuê mặt bằng, chi phí vận chuyển, bảo hiểm, dịch vụ) Thời gian, tần số hoạt động	-	x	x
Tài khoản thu nhập Tài khoản phân phối thu nhập lần đầu	Khoản bồi thường của lao động, khoản chi và thu bởi đơn vị sản xuất phi chính thức: Tiền lương, tiền công bằng tiền hay hiện vật Tiền thưởng, các khoản phúc lợi Thời gian làm việc, v.v...	(x)	(x)	x
Tài khoản vốn và tài chính	Tổng tài sản cố định, những thay đổi về các danh mục tài sản: Loại, số lượng và giá trị các TSCĐ đã mua sắm và bán (nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, v.v...) Các khoản vay, chi trả khoản vay	-	x	x
Thông tin kỹ thuật	Những thông tin cần thiết để xác định và nhận dạng đơn vị sản xuất phi chính thức: Số lượng lao động (lao động gia đình, lao động không thường xuyên hay thời vụ), tình trạng đăng ký, sổ sách kế toán, khu vực (nông thôn/thành thị), v.v...	-	x	x
Thông tin bổ sung cần thiết đối với phân tích kinh tế - xã hội	<i>Những thông tin nhân khẩu học:</i> Giới tính, cấu thành hộ, các công việc khác (trong hay ngoài khu vực phi chính thức);	x	-	x
	<i>Những thông tin kinh tế xã hội khác:</i> Tuổi, việc làm, học vấn, loại hình đào tạo nghề đã tham gia, hình thức sở hữu, năm thành lập và sự tiến triển của doanh nghiệp, loại hình hoạt động, địa điểm kinh doanh (cửa hàng, chỗ cố định trong chợ, ở nhà, không có địa điểm cố định, v.v...), quan hệ với khu vực phi chính thức, nguồn tín dụng, cơ hội đào tạo ...	x	(x)	x

x có thu thập; (x) thu thập một phần; - không thu thập

Nguồn: Becker (2000)

Trong số các loại điều tra hỗn hợp được xây dựng để thu thập thông tin về khu vực phi chính thức, phương pháp điều tra 1-2-3 do DIAL xây dựng đã cho thấy có nhiều ưu điểm. Từ những kinh nghiệm của lần áp dụng đầu tiên tại Yaoundé (Cameroon) năm 1993 - 1994, cuộc điều tra này đã được triển khai rộng rãi ở nhiều quốc gia khác, đặc biệt là ở Châu Phi (Madagascar, 1995 - 1996; nhóm cộng đồng các nước (Benin, Burkina-Faso, Coast Ivory, Mali, Nigeria, Senegal, Togo), 2001 - 2001). Phương pháp điều tra 1-2-3 bao gồm 3 giai đoạn trong đó có sự liên kết giữa điều tra hộ gia đình và điều tra doanh nghiệp. Lý do khiến chiến lược điều tra này có thể cung cấp thông tin chính xác và thấu đáo về khu vực phi chính thức, đáp ứng tốt yêu cầu biên soạn các tài khoản quốc gia đó là việc thiết kế phiếu điều tra và chiến lược chọn mẫu đã dựa trên cơ sở khái niệm quốc tế. Các phiếu điều tra của phương pháp điều tra 1-2-3 được thiết kế dựa trên cơ sở áp dụng các khái niệm phù hợp với khuôn khổ Hệ thống Tài khoản Quốc gia và nghị quyết của các kỳ hội nghị ICLS. Cách thức thực hiện cuộc điều tra theo ba giai đoạn cho phép xác định và thu thập thông tin một cách hợp lý đối với đơn vị sản xuất và việc làm phi chính thức. Với chiến lược điều tra dựa vào sự liên kết giữa các giai đoạn, điều tra 1-2-3 cho phép bao gồm trong mẫu điều tra khu vực phi chính thức (pha 2) các đơn vị sản xuất (những người tự làm cho bản thân, không có địa điểm cố định hoặc hoạt động theo mùa vụ, v.v.) mà đã không được chọn trong mẫu của các cuộc điều tra doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh tế. Hơn nữa, xuất phát từ thực tế là các đơn vị sản xuất phi chính thức thường không có hệ thống sổ sách kế toán, phiếu điều tra ở giai đoạn hai được thiết kế nhằm thu thập thông tin tìm hiểu về hoạt động của

đơn vị này về các mặt: lao động, kết quả sản xuất, chi tiêu và chi phí, vốn, hoạt động đầu tư và nguồn tài chính. Trong điều kiện cuộc điều tra 1-2-3 được thực hiện trên phạm vi quốc gia thì những dữ liệu thu được từ kết quả của pha 2 về các đơn vị sản xuất và pha 3 về chi tiêu hộ gia đình liên quan đến khu vực phi chính thức có thể cung cấp nguồn dữ liệu tin cậy phục vụ xác định các chỉ tiêu và hoàn thiện các tài khoản đối với khu vực thể chế hộ gia đình.

Khi đã thiết lập được những nguồn dữ liệu nêu trên, có thể tổng hợp thông tin để tính các chỉ tiêu thống kê khu vực phi chính thức hòa nhập trong khuôn khổ thông tin thống kê tài khoản quốc gia bao gồm các nhóm chỉ tiêu sau:

• **Nhóm chỉ tiêu thống kê đơn vị sản xuất phi chính thức**

- **Số đơn vị sản xuất phi chính thức**

- **Cơ cấu đơn vị sản xuất phi chính thức:** Được xác định dựa trên cơ sở phân tổ các đơn vị sản xuất phi chính thức theo các tiêu thức

+ Đơn vị sản xuất phi chính thức của người tự kinh doanh; đơn vị sản xuất của chủ lao động phi chính thức

+ Ngành kinh tế: căn cứ theo bảng phân ngành kinh tế

+ Quy mô lao động

+ Loại hình sở hữu: cá nhân, các thành viên cùng trong hộ gia đình, các thành viên của nhiều hộ gia đình

+ Địa điểm kinh doanh: ngay tại hộ gia đình, tại nơi cố định ngoài nơi ở của hộ gia đình (nơi thường xuyên, nơi tạm thời), tại một nơi không cố định ngoài nơi ở của hộ gia đình (chợ lưu động, bán rong ngoài phố, v.v.)

+ Tính chất công việc theo thời gian: quanh năm, thời vụ, không thường xuyên.

+ Tình trạng đăng ký: chưa đăng ký, đã đăng ký.

• **Nhóm chỉ tiêu thống kê lao động trong khu vực phi chính thức và lao động phi chính thức thuộc các khu vực khác**

- **Số lao động trong khu vực phi chính thức:** bao gồm những lao động làm việc trong các đơn vị sản xuất phi chính thức

- **Số lao động phi chính thức ngoài khu vực phi chính thức:** bao gồm lao động phi chính thức trong khu vực chính thức và khu vực hộ gia đình. Bộ phận này bao gồm những người lao động làm những công việc không được đảm bảo đầy đủ bằng chế độ hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội.

- **Cơ cấu lao động trong khu vực phi chính thức**

+ Số lượng và tỷ trọng lao động trong các đơn vị sản xuất của người tự làm

+ Số lượng và tỷ trọng lao động trong các đơn vị sản xuất của chủ lao động phi chính thức.

- **Cơ cấu lao động phi chính thức ngoài khu vực phi chính thức phân tổ theo khu vực thể chế:** bao gồm số lượng và tỷ trọng lao động phi chính thức xác định cho từng khu vực thể chế như: khu vực phi tài chính, khu vực tài chính, khu vực quản lý nhà nước, khu vực hộ gia đình và khu vực vô vị lợi.

- **Các chỉ tiêu phản ánh đặc điểm của lao động phi chính thức:** dựa vào các tiêu thức phản ánh đặc điểm nhân khẩu học như giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, tình trạng việc làm, v.v.

- **Số giờ làm việc bình quân một tuần:** chỉ tiêu này được xác định cho lao động trong khu vực phi chính thức đối với từng nhóm ngành, theo giới tính, tình trạng (vị thế) công việc, v.v.

- **Thu nhập bình quân một tháng:** chỉ tiêu này được xác định cho lao động trong khu vực phi chính thức đối với từng nhóm ngành, theo giới tính, tình trạng (vị thế) công việc, v.v.

• **Nhóm chỉ tiêu thống kê phản ánh quan hệ giao dịch giữa khu vực phi chính thức với các khu vực thể chế khác**

Quan hệ giao dịch giữa khu vực phi chính thức với các khu vực khác trong nền kinh tế được biểu hiện chủ yếu thông qua các giao dịch trên thị trường hàng hoá dịch vụ và thị trường tài chính. Nhóm chỉ tiêu này bao gồm:

- Giá trị và tỷ trọng giá trị hàng hóa và dịch vụ do khu vực phi chính thức sản xuất ra được các khu vực thể chế tiêu dùng

- Giá trị và tỷ trọng giá trị hàng hóa và dịch vụ mà khu vực phi chính thức tiêu dùng do các khu vực thể chế cung cấp

- Khối lượng và giá trị các khoản vay mà khu vực phi chính thức đã nhận được từ các ngân hàng hay các thể chế tài chính khác.

• **Nhóm chỉ tiêu thống kê kết quả và đóng góp của khu vực phi chính thức vào nền kinh tế**

- Giá trị sản xuất của khu vực phi chính thức: bao gồm toàn bộ giá trị các sản phẩm vật chất và sản phẩm dịch vụ do lao động trong khu vực phi chính thức tạo ra trong một thời kỳ nhất định (quý, năm).

- Chi phí trung gian của khu vực phi chính thức: là toàn bộ giá trị các sản phẩm



vật chất và sản phẩm dịch vụ được các đơn vị sản xuất phi chính thức sử dụng hết trong quá trình hoạt động để tạo ra sản phẩm vật chất và dịch vụ mới trong một kỳ nhất định, bao gồm nguyên vật liệu, dịch vụ và các khoản chi khác phục vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giá trị tăng thêm của khu vực phi chính thức: là kết quả sản xuất do các đơn vị sản xuất phi chính thức mới tạo ra trong một thời kỳ nhất định (quý, năm)

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của khu vực phi chính thức trong khu vực hộ gia đình

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của khu vực phi chính thức trong GDP.

SNA 1993 đề cập đến 3 phương pháp tiếp cận tính GDP, đó là: phương pháp sản xuất, phương pháp phân phối và phương pháp sử dụng cuối cùng. Trong đó, phương pháp sản xuất được sử dụng phổ biến ở các nước đang phát triển, ngay cả trong một số trường hợp không có đầy đủ thông tin từ các nguồn dữ liệu sẵn có. Để áp dụng phương pháp tính này, cần thực hiện bước điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán khi kết hợp những nguồn dữ liệu truyền thống trong thống kê tài khoản quốc gia với dữ liệu về khu vực phi chính thức. Theo kinh nghiệm của Nhóm Dehli (2004), dữ liệu về lao động phi chính thức và khu vực phi chính thức góp phần xác định chính xác hơn các ma trận đầu vào lao động lập theo ngành và qua đó cung cấp thông tin để ước tính đóng góp của khu vực phi chính thức vào GDP. Các ma trận đầu vào lao động được xây dựng nhằm đo lường các bộ phận lao động khác nhau đã đóng góp vào kết quả sản xuất của các khu vực thể chế. Dựa vào ma trận đầu vào lao động, có thể thực hiện phân chia dữ liệu về toàn bộ lao động bằng cách phân tổ chi tiết theo các ngành và

dữ liệu này giữ vai trò là cơ sở để ước tính giá trị tăng thêm qui cho mỗi lao động theo cấp độ ngành.

### 3. Kết luận

Việc hoà nhập thông tin thống kê về khu vực kinh tế phi chính thức vào hệ thống tài khoản quốc gia là nhằm để có thể xác định được thông tin thống kê phản ánh đóng góp, xu hướng biến động của khu vực phi chính thức trong nền kinh tế, cũng như so sánh được giữa khu vực này với các khu vực khác. Mặt khác, tăng cường thông tin thống kê khu vực phi chính thức có ý nghĩa góp phần xác định chính xác hơn các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp trong hệ thống tài khoản quốc gia. Thực trạng thông tin thống kê khu vực phi chính thức trong hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam hiện nay cho thấy cần thiết nghiên cứu áp dụng khái niệm và phương pháp để có được nguồn thông tin thích hợp đối với khu vực này.

Những khái niệm về khu vực phi chính thức và việc làm phi chính thức được thông qua tại các kỳ hội nghị ICLS cần được sử dụng làm cơ sở để xây dựng phương pháp tiếp cận thu thập thông tin. Thực tế là Hệ thống Tài khoản Quốc gia đã tham chiếu đến những khái niệm quốc tế này. Bên cạnh việc nghiên cứu áp dụng khái niệm khu vực phi chính thức phù hợp theo điều kiện thực tế ở mỗi quốc gia, một số điểm khác biệt trong khái niệm này với khuôn khổ các khái niệm liên quan trong SNA, đặc biệt là về khu vực thể chế hộ gia đình, cũng cần được quan tâm để đảm bảo tính nhất quán.

Vấn đề cần lưu tâm tiếp theo đó là xây dựng nguồn thông tin đáp ứng được yêu cầu thống kê tài khoản quốc gia. Điều này có nghĩa là việc xác định phạm vi, nội dung điều tra, thiết kế phiếu điều tra đối với khu vực phi chính thức cần tính đến khả năng có

thể cung cấp thông tin phục vụ lập các tài khoản liên quan và tính các chỉ tiêu tổng hợp. Cho đến nay, điều tra hỗn hợp hộ gia đình – doanh nghiệp với sự kết nối chặt chẽ giữa các giai đoạn được đánh giá là chiến lược điều tra mang nhiều ưu điểm nhất đáp ứng được yêu cầu góp phần hòa nhập thông tin thống kê khu vực phi chính thức vào hệ thống tài khoản quốc gia ■

### Tài liệu tham khảo

AFRISTAT (2001), *“Guide méthodologique pour l’élaboration des comptes nationaux dans les états membres d’AFRISTAT”*, Series Methods N°4, Mars, 2001.

Becker B. (2000), *“Minimum data set on the Informal Sector for National Accounting purposes”*, United Nations Statistics Division, New York.

Becker R., Havinga I. (2007), *“Alternate Aggregation for the Informal sector in ISIC Rev.4.: Note for the Delhi Group Meeting”*, October 8-10, 2007

Charmes J. (2000), *“Measurement of the contribution of informal sector and informal employment to GDP in developing countries: some conceptual and methodological issues”*, 9<sup>th</sup> Meeting of the Delhi Group on Informal sector statistics, Delhi, May, 2000.

DIAL, DSCN (1994), *“L’enquête 1-2-3 sur l’emploi et le secteur informel à Yaoundé”*, STATECO No 78, INSEE, Paris, June 1994, 145 p.

Đỗ Thị Tươi (2002), *“Một số giải pháp chủ yếu nhằm sử dụng tốt hơn lực lượng lao động trong khu vực phi chính thức ở Hà Nội”*, Luận văn Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Gennari P. (2004), *“The Estimation of Employment and Value Added of Informal Sector*

*in Pakistan”*, 7<sup>th</sup> Meeting of the Expert Group on Informal Sector Statistics (Dehli Group), New Dehli, February 2004.

Havinga I., Carson C. (2006), *“The Informal Sector in the 1993 SNA, Rev.1”*, Meeting of the Advisory Expert Group on National Accounts, Frankfurt, February 2006.

Hussmanns R., Mehran F. (2000) *“Statistical Definition of the Informal Sector - International Standards and National practices”*, International Labour Office, Geneva.

Hussmanns R., *“The informal sector: Statistical definition and survey methods”*, International Labor Office, Geneva, 2000.

ILO (1993), *“Resolution Concerning Statistics of Employment in the Informal Sector, adopted by the Fifteenth International Conference of Labour Statisticians”*, January, 2003.

ILO (2002), *“Decent work and the informal economy”*, Report IV, International Labour Conference 90<sup>th</sup> Session 2002.

Lê Đăng Doanh và Nguyễn Minh Tú (1997), *“Khu vực Phi chính quy: một số kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam trong quá trình chuyển đổi kinh tế”*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Lê Minh (1993), *“Kinh tế “Đại chúng” và khả năng giải quyết việc làm ở đô thị Việt Nam”*, Trung tâm Dân số - Nguồn lao động, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Hà Nội, 1993.

OECD (2002), *“Measurement of the Non-Observed Economy: A Handbook”*, Paris, 2002.

(tiếp theo trang 84)